

MẤY BÀI HỌC TỪ NHỮNG ĐÓNG GÓP VÀ HẠN CHẾ CỦA NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

TRẦN VĂN THỨC*
TRẦN VĂN ĐẠI LỢI**

Lâu nay, giới nghiên cứu trong và ngoài nước đã bàn nhiều về danh sĩ Nguyễn Trường Tộ. Một số người đã đề cập đến nghịch lý cạnh tranh, bị kịch Nguyễn Trường Tộ, nguyên nhân thất bại tư tưởng cạnh tranh của ông và của các nhà cạnh tranh thế kỷ XIX. Tuy vậy, điều quan trọng hơn là rút ra bài học cho công cuộc đổi mới hiện nay của đất nước ta lại chưa được chú ý đúng mức, nhất là bài học từ những đóng góp của nhà tư tưởng cạnh tranh lỗi lạc này.

1. Nguyễn Trường Tộ sống cuộc đời khá ngắn ngủi. Ông sinh năm 1828 (hay 1830?) và trước khi về với Chúa ngày 22-11-1871, cách đây đúng 140 năm, ông đã kịp để lại một sự nghiệp sáng chói.

Thuở nhỏ ông học chữ Hán ở nhà với thân phụ Nguyễn Quốc Thư. Từ năm 1840 ông theo học thầy Tú Giai (Dương Doãn Huy) ở Bùi Ngõa; năm 1847 - 1850 theo học thầy Cống Hữu (Đình Trọng Thư) ở làng Kim Khê; năm 1852 - 1856 theo học quan huyện Địa Linh (Uông Nhật Hân) tại xã Tân Lộc. Thông minh, được bạn bè suy tôn là "Trạng Tộ" nhưng ông sớm tỏ ra không

mặn mà gì với con đường mà các nho sĩ bấy giờ đeo đuổi là đi học, đi thi, đỗ đạt và làm quan (1). Trình độ Hán văn của ông, theo Linh mục Võ Thanh Tâm: "Ông không đỗ đạt gì cả (đúng ra là ông không hề dự thi khoa nào) mà viết điều trần bằng Hán văn một cách thông thạo, đúng luật lệ, rõ ràng, duyên dáng khiến các vị khoa bảng triều đình Huế bấy giờ cũng phải kính phục. Đến như cụ hoàng giáp Huỳnh Thúc Kháng, thủ khoa thi hương, thi hội, chỉ thi đình mới đỗ thứ ba mà cũng nhận là Nguyễn Trường Tộ có lỗi viết Hán văn khúc chiết và rắn rỏi" (2). GS. Lê Trí Viễn thì cho rằng "bài Trần Tình của Nguyễn Trường Tộ có thể xếp là một áng văn xuôi trữ tình rất hay chẳng kém gì Ngục Trung Thư của Phan Bội Châu" (3).

Năm 1856, Nguyễn Trường Tộ được giáo xứ Xã Đoài giao trọng trách dạy chữ Hán cho Giám mục Gauthier (tên Việt Nam là Ngô Gia Hậu, về giáo xứ Xã Đoài từ năm 1846), đồng thời được Giám mục dạy giáo lý, tiếng Pháp, tiếng La tinh và cung cấp cho bản dịch chữ Hán của các sách phương

* TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh

** ThS. Thành phố Hồ Chí Minh

Tây. Đầu năm 1859, chính sách “cắm đạo” của triều đình Huế được đẩy mạnh buộc Giám mục Gauthier phải rời Việt Nam, đưa Nguyễn Trường Tộ đi theo sang Hồng Kông, Singapore, Mã Lai (chủ yếu là Poulou Pinang, nơi có chủng viện miền Đông Nam Á). Nhằm mục đích đào tạo ông thành thầy giảng, làm “việc đạo”, giám mục còn đưa ông sang La Mã. Do ông quá tha thiết với “việc đời” nên lại được đưa về Paris học Đại học Sorbonnes. Đây là thời kỳ ông miệt mài học các ngành khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, khoa học quân sự, hàng hải, kiến trúc, hóa học, công nghiệp... Ngoài học tại trường, ông còn tự học và đi nhiều địa phương để tham quan, học hỏi, tai nghe mắt thấy tại các nhà máy dệt, các vùng mỏ than phía Bắc, các xí nghiệp luyện kim miền Đông là những vùng công nghiệp phát triển của nước Pháp.

Hoàn cảnh đưa đẩy, Nguyễn Trường Tộ sớm tiếp xúc với văn hóa phương Tây qua Thiên Chúa giáo, có dịp đặt chân đến nhiều vùng đất lạ, gặp gỡ với nhiều yếu nhân ở Pháp, La Mã, Hương Cảng, có thể ông đã gặp Ito Hirobumi (Y Đằng Bác Văn) một nhà cải cách lớn của Nhật Bản.

2. Nhiều tư liệu cho thấy Nguyễn Trường Tộ đã có những đóng góp xuất sắc cho đời và cho đạo.

Từ tháng 9-1862 đến ngày 18-7-1864 ông đã vẽ đồ án và điều khiển công trình xây cất tu viện Thánh Phao-Lô ở Sài Gòn (số 4 Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay) gồm nhà ở, nhà nguyện, viện mồ côi, đặc biệt ngọn tháp kiểu gô-tích duyên dáng vút cao trên nền trời đến nay vẫn còn đủ sức hấp dẫn du khách.

Ở quê hương Nghệ An, ông đã giúp xây dựng khu vực Nhà chung Xã Đoài gồm nhà Đức giám mục, nhà nguyện và nhà tràng La Tinh hình chữ thập cao 3 tầng quen gọi

là nhà Tây. Đi qua bom đạn chiến tranh và sự hủy hoại của thời gian hơn 150 năm mà khu nhà vẫn giữ được kiểu dáng kiến trúc do Nguyễn Trường Tộ thiết kế. Ông còn quy hoạch lại làng Xuân Mỹ quê mẹ, đưa làng này từ chỗ ẩm thấp, lầy lội lên chỗ cao ráo, sạch sẽ. Chính ông là người vẽ đường, phân lô cho các hộ hợp lý, khoa học. Ngày 19-6-1866, theo lời mời của Tổng đốc An Tĩnh Hoàng Tá Viêm, ông đã cắm mốc, chỉ đạo thành công việc đào Kênh Sát đoạn nối sông Cấm với sông Vinh, một công trình được khởi công từ thời Tiết độ sứ Cao Biền nửa sau thế kỷ IX, rồi vua Hồ Quý Ly cho làm tiếp vào đầu thế kỷ XV nhưng vẫn dở dang vì gặp phải nhiều đá ngầm.

Đặc biệt, trong 10 năm cuối đời (1861-1871), Nguyễn Trường Tộ đã liên tiếp gửi lên triều đình hơn 60 bản điều trần (mấy bản đã mất, Linh mục Tiến sĩ sử học Trương Bá Cẩn tập hợp được 58 bản, dịch và in trong sách *Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1988; tái bản 2002) trình bày đề nghị canh tân toàn diện đất nước hết sức mới mẻ, độc đáo. Một số tư liệu về hành trạng của Nguyễn Trường Tộ và những trích dẫn các điều trần (Trương Bá Cẩn gọi là *di thảo*) trong bài này chủ yếu lấy từ sách trên, những trích dẫn khác sẽ có chú thích riêng.

Đề tựa sách *Nguyễn Trường Tộ Thời thế và tư duy cách tân* (Nxb Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2001) của nhà sử học Hoàng Thanh Đạm, GS. Phan Ngọc viết: “*Nguyễn Trường Tộ là con người duy nhất ở Việt Nam qua 58 bản di thảo đã trình bày một nhận thức đầy đủ về tình hình Việt Nam, những bất lợi của nó trước tình hình mới và những biện pháp để thay đổi về mọi mặt chính trị, ngoại giao, học thuật, kinh tế, quân sự, văn hóa. Cho đến nay... cũng*

không có mấy người nêu lên được một bản trình bày tổng quan đầy đủ như vậy". Cả xưa lẫn nay, thật hiếm có người đạt đến tầm tri thức bách khoa như Nguyễn Trường Tộ. Lĩnh vực Võ Thanh Tâm từng so sánh ông với Leonardo da Vinci (1452-1519) của nước Ý và cho rằng "so về các mặt chính trị, ngoại giao, kinh tế, quân sự, quốc phòng... chưa để Vinci đã vượt qua được Nguyễn Trường Tộ..." (4).

3. Đóng góp cụ thể về các lĩnh vực của nhà bác học Nguyễn Trường Tộ đã được nhiều người nghiên cứu. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn tìm hiểu thêm nhờ đâu Nguyễn Trường Tộ cố gắng được nhiều như vậy? Bài học ông để lại cho chúng ta hiện nay là gì?

Thứ nhất, Nguyễn Trường Tộ sinh ra tại làng Bùi Chu, nay thuộc xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Ông đã kế thừa được truyền thống hiếu học, khổ học và học giỏi của gia đình và quê hương xứ Nghệ. Trong một số bài viết gần đây, chúng tôi đã có dịp chứng minh: xứ Nghệ thời Lý - Trần còn là đất trại, nhưng đến thời Lê Trung Hưng đã theo kịp tứ trấn ngoài Bắc và đến thời Nguyễn đã vươn lên đứng đầu cả nước về thành tựu khoa bảng (5).

Nguyễn Trường Tộ có thông minh trời phú, lại hơn người ở đức tính chăm chỉ học tập và làm việc; ý chí nhẫn nại, theo đuổi mục đích tới cùng nên tầm kiến văn của ông bấy giờ ít ai bì kịp.

Thứ hai, Nguyễn Trường Tộ có động cơ học tập rất khác người. Đương thời, nho sĩ mài miết theo đuổi lợi danh. Sinh trước Nguyễn Trường Tộ đúng nửa thế kỷ, và chỉ mất trước 13 năm, danh sĩ đồng hương xứ Nghệ Nguyễn Công Trứ (1778-1858), một người có tài kinh bang tế thế, có tư tưởng mới mẻ, táo bạo không màng đến lợi, nhưng

cũng luôn luôn ôm ấp mộng công danh. Nguyễn Công Trứ viết:

*Đã mang tiếng ở trong trời đất,
Phải có danh gì với núi sông.*

(Đi thi tự vịnh)

hoặc:

*Có trung hiếu nên đứng trong trời đất,
Không công danh thời nát với cỏ cây.*

(Gánh trung hiếu)

Còn Nguyễn Trường Tộ, thuở học với thầy Cống Hữu, trong bài văn sách "*luận về trị bình*" của trò Tộ đã có câu "*bất năng tạ ư trị quốc chi công, nhi mưu kỳ vinh thân phi gia chi kế*" (không nên mưu việc lập công cho nước để làm kế vinh thân phi gia) (6). Trong *Trần tình - Di thảo số 3*, ông đã thẳng thắn nói về chí hướng của mình: "*Từ bé tôi đã thật trọng trong việc giao du, thích yên tĩnh, đôi với tất cả những sự cầu danh, lẩn lớt, giành công, tham lợi, tôi đều coi như mây bay, nước chảy*"

Trong *Di thảo số 5*, ông đau đáu nỗi lo vắn nước hiểm nghèo: "*Từ 15 năm nay, tôi đã biết rõ chắc chắn phải có mối lo như ngày nay, nên tôi đã ra sức tìm tòi học hỏi trí khôn của mọi người để có thêm sự hiểu biết cho mình, chứ không phải chỉ một ngày*". Từ mối lo đó, ông chăm chỉ học tập toàn diện: "*... không môn nào tôi không để ý tới: cái cao của thiên văn, cái sâu của địa lý, cái phiến toái của nhân sự, cho đến luật lịch, binh quyền, tạp giáo, dị nghệ, các môn cách trí, thuật số, không môn nào tôi không khảo cứu, nhất là để ý nghiên cứu về sự thế dọc ngang, tan hợp trong thiên hạ*" (Di thảo số 3). Ông học để có dịp mang cái sở học của mình lên đáp lại "*cái mà trời cho tôi học được*" như chính cách nói của ông.

Thứ ba là bài học về nhân cách, phẩm giá của một kẻ sĩ. Có mục đích học tập

đúng đắn vì Nguyễn Trường Tộ có nhân cách lớn. Bình sinh ông chỉ nghĩ đến việc ích nước, lợi dân mà không hề quan tâm đến hạnh phúc riêng của mình: *"Vả lại, tôi không ham thích kinh doanh, không thích chuyện vợ con, đoạn tuyệt với hai cạm bẫy tài sắc"* (Trần tình - Di thảo số 3). Từ thuở thiếu niên ông đã nuôi chí lớn là đem những hiểu biết sâu rộng mình đã học tập được để làm cho dân giàu, nước mạnh. Phương pháp tư duy của ông là luôn luôn đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn. Trong Di thảo số 30, ông viết: *"Mấy chục năm nay, tôi bốn tẩu trong thiên hạ, thu thập những tình thế điển thiên xưa nay đem những điều đã học trong sách nghiệm ra việc đời"* Không có chút quyền để đủ điều kiện thực hiện mục đích, ông chỉ còn biết trình bày kế sách của mình qua các điều trần dâng lên vua và triều đình. Sức khỏe suy kiệt, ngoài ba mươi tuổi ông đã mang bệnh nặng phải nằm ngửa mà viết: *"Nhân vì chân tôi bị tê bại sắp thành phế nhân, nằm ngửa ra mà viết, tinh thần buồn bực rối loạn, tự biết nói năng không thứ tự..."* (Di thảo số 6). Ông viết hết điều trần này đến điều trần khác dù luôn gặp phải "nỗi im lặng đáng sợ" của vua và các đại thần vì ông quan niệm: *"Biết mà không nói là bất nhân, nói mà không nói hết là bất nghĩa"* (Di thảo số 1). Dũng cảm nói hết sự thật không sợ hiểm khích, nghi kỵ, không sợ nguy hiểm đến tính mệnh (do ông là người công giáo đã từng phục vụ Pháp từ 1862 - 1864) bởi vì ông không nghĩ gì đến bản thân mình, chỉ nghĩ đến ích nước lợi dân: *"Thật không nỡ thấy đất nước bị chia cắt, trăm họ bị lừa tan, cho nên không nghĩ mình ở địa vị thấp hèn, dám cả gan nói ra"* (Di thảo số 1).

Thứ tư là bài học giao lưu. Có 35 di thảo trong tổng số 58 di thảo hiện có của Nguyễn Trường Tộ có nói về quan hệ giữa

nước ta và thế giới, từ đó đề xuất chiến lược ngoại giao của Việt Nam (trong đó có di thảo mở đầu *Bàn về những tình thế lớn trong thiên hạ* và di thảo cuối cùng *Nên mở cửa, không nên khép kín* còn dang viết dở) đến nay vẫn không hề cũ, nhất là trong tình hình nóng bỏng trên biển Đông hiện nay. Nhưng ở đây chúng tôi chỉ muốn đề cập giao lưu của người trí thức. Nếu ba bài học trước là cần cù, chăm chỉ, kiên nhẫn; xác định động cơ học tập đúng đắn; có nhân cách lớn mọi trí thức đều có thể học tập ở Nguyễn Trường Tộ, thì ở bài học này nỗ lực chủ quan của mỗi người trí thức chưa đủ, mà còn cần phải có điều kiện khách quan thuận lợi nữa. Như trên chúng tôi đã nói, Nguyễn Trường Tộ đã may mắn đặt chân đến nhiều nơi trên thế giới, có dịp tiếp xúc với nhiều nhiều nhà khoa học, chính khách nổi tiếng, tầm mình trong văn hóa phương Tây, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại nên mới có tầm nhìn đi trước thời đại hàng trăm năm như chúng ta đã thấy qua các điều trần. Mà không riêng gì Nguyễn Trường Tộ, các thi hào xứ Nghệ trước ông như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ; các chính khách sau ông như Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh đều phải vượt khỏi núi Hồng, sông Lam, giao lưu học hỏi khắp nơi mới đạt đến tầm vĩ nhân như vậy! Hơn ai hết, các cấp lãnh đạo hiện nay cần tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhân tài quê hương được giao lưu rộng rãi để họ có thể phát huy hết khả năng của mình phục vụ cộng đồng!

Thứ năm, là bài học về bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Nguyễn Trường Tộ kiến nghị triều đình cử người du học, tùy tài mà đãi ngộ và sử dụng người tài đúng với sở trường. Có thể nói, triều Nguyễn đã bỏ phí một tài năng lớn, một nhà thiết kế xuất sắc công cuộc canh tân đất nước. Bị

kịch này phải chăng đâu chỉ là bi kịch riêng cá nhân Nguyễn Trường Tộ!

Còn có một tư tưởng lớn của Nguyễn Trường Tộ để lại bài học thiết thực cho chúng ta hôm nay là tư tưởng tự do tôn giáo. Nguyễn Trường Tộ sớm biết được dã tâm người Pháp núp bóng tôn giáo để mưu đồ chính trị, trong lúc triều đình Tự Đức chỉ biết giận cá chém thớt, đàn áp tàn bạo các con chiên vô tội, vô hình trung tạo cơ cho bọn xâm lược. Phân biệt rạch ròi tôn giáo và chính trị, trong *Di thảo số 2* ông thống thiết đề nghị: *"Nói tóm lại, bất kỳ trong đạo giáo nào, hễ ai phản nghịch loạn thường đều là người đắc tội trong tôn giáo, cứ áp dụng hình pháp không tha để cho đạo giáo được trong sạch. Còn ai yên phận tuân theo pháp luật thì để cho họ tự nhiên có hại gì đâu? Đồng hành mà không nghịch nhau là được, cần gì bắt phải nhất tề những cái mà tạo vật không thể nhất tề, cũng không cần thiết phải nhất tề, để làm tổn thương hòa khí?"*

Tư tưởng tự do tôn giáo, tín ngưỡng của Hồ Chí Minh và tinh thần chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay không khác gì nhiều tư tưởng Nguyễn Trường Tộ (7).

4. Sinh thời các điều trần sáng suốt và đầy tâm huyết của Nguyễn Trường Tộ gửi đến triều đình hầu như không có hồi âm. Ông về cõi vĩnh hằng một cách lặng lẽ vì người đời chưa thể hiểu ông. Bi kịch của ông là bi kịch của những người đi trước thời đại!

Nhiều nhà nghiên cứu đã chỉ ra những nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến thất bại đau đớn của Nguyễn Trường Tộ. Theo GS. Đinh Xuân Lâm: *"Nguyên nhân chủ yếu làm cho các điều trần của Nguyễn Trường Tộ thất bại chính là thái độ bảo thủ, phản động của vua quan triều*

đình trước sau khăng khăng đối lập với mọi sự thay đổi. Nếu có lúc do tình thế thúc bách phải thực hiện một vài đổi mới nào đó thì lễ tề, chấp vá, miễn cưỡng, vội vã. Các điều chỉnh, sửa đổi chưa kịp phát huy tác dụng thì đã bị đình chỉ"

Cũng theo GS. Đinh Xuân Lâm, bài học cho hiện nay là: *"Qua sự thất bại của Nguyễn Trường Tộ cũng thấy rằng muốn đổi mới thành công không thể chỉ đổi mới về kinh tế mà quan trọng là phải đổi mới cả tư tưởng, chính trị, cần điều chỉnh cơ cấu bộ máy chính quyền thật thích hợp để đảm bảo cho công cuộc đổi mới đồng bộ trôi lọt. Đó là những bài học kinh nghiệm lớn đến nay nguyên giá trị lý luận và thực tiễn và có thể vận dụng hiệu quả vào công cuộc đổi mới của đất nước đang được tiến hành trên quy mô lớn trong cả nước"* (8).

Người ta cũng cho rằng các bản điều trần của ông đều nặng mô phỏng, sao chép bên ngoài mà thiếu cơ sở vật chất bên trong. Nguyễn Trường Tộ lại quá ảo tưởng, đặt hết niềm tin vào một triều đình đã mục ruỗng như triều Tự Đức, biết thổi gió vào nhà trống mà vẫn cứ làm! Chưa kể có lúc ông còn mơ hồ về mục đích xâm lược của Pháp: *"Vả lại, những điều mà nước Pháp xin, chẳng qua là để mở bến tàu, lập phố xá, thông cửa bể để buôn bán, lập nhà thờ để giảng đạo mà thôi"* (Di thảo số 1). Ông lại ngây thơ gửi gắm "vận mệnh" đất nước vào các giám mục nước ngoài, mà hầu hết số này đều mượn cơ truyền đạo để hoạt động gián điệp; quá tin vào đường lối ngoại giao "thương thuyết" với chính phủ Pháp tại Paris, với "Tây soái" ở Sài Gòn! Lại lắm lúc quá cường điệu sức mạnh của Pháp!

Có thể đây cũng là sự nhẹ dạ, cả tin, một nhược điểm trong bản tính nh: g người xứ Nghệ chăng? Từ nhẹ dạ, cả tin đến mất cảnh giác chính trị chỉ cách nhau gang tấc!

Đầu thế kỷ XX, nhà ái quốc vĩ đại Phan Bội Châu đồng hương với ông cũng có lúc cả tin như thế, ngây thơ chủ trương “Pháp - Việt đề huề”, rồi có lúc CỤ lại ca ngợi Ngô Đình Diệm khi y từ chức thượng thư, hay ca ngợi Châten thống sứ Bắc Kỳ. Viện sĩ Trần Huy Liệu viết: “... Theo CỤ thì hầu hết ai cũng tốt, cũng yêu nước cả. Đến cả bọn Bùi Quang Chiêu ở trong Nam lúc ấy đã phản động ra mặt, CỤ cũng chưa thấy cái xấu xa của nó... Tôi cũng không lạ gì sau này CỤ nghe tên Phạm Tá viết bài ca ngợi Châten, Thống sứ Bắc Kỳ. Tôi hỏi thì CỤ nói: ...Tôi có biết gì đâu! Nghe Phạm Tá nói tốt thì tôi cũng tưởng nó tốt thật” (9). Trở lại với hạn chế của Nguyễn Trường Tộ. Nhà sử học Hoàng Thanh Đạm cho rằng: “Vì chưa thấy lực lượng nhân dân là nhân tố quyết định vận mệnh đất nước nên ông đã nêu ra một luận điểm chính trị sai lầm. Trong bài “Ngôi vua là quý, chức quan là trọng” có đoạn ông viết: “Người xưa nói dân là gốc của nước. Nói thế không đúng. Tôi cho rằng vua quan mới là gốc của nước vì không có vua quan thì chẳng bao lâu dân sẽ loạn. Nước dù có vua bạo ngược còn hơn không có vua...” (10). Học giả Cao Tự Thanh lại lập luận khác: “Người ta cũng thấy mệnh đề “ngôi vua là quý, chức quan là trọng”... thật ra đã xuất phát từ cách đặt vấn đề về một tổ chức quản lý đất nước và xã hội theo tinh thần pháp quyền tư sản, ở đó vua quan chỉ là những viên chức trong một hệ thống chính trị hành chính và đều phải làm tròn chức trách cũng như tuân thủ pháp luật, điều này khác hẳn với tư tưởng tôn quân và quan niệm về trật tự xã hội theo truyền thống Nho giáo phương Đông...” (11).

Cần phải chú ý là bấy giờ tư tưởng canh tân của Nguyễn Trường Tộ trình bày trong các điều trần trước hết là gửi đến vua và mấy vị đại thần, nên ông hướng tới việc đề

cao vua quan để thuyết phục họ, tranh thủ một sự ủng hộ từ bên trên là điều dễ hiểu! Vì vậy, nếu cho rằng các bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ “chưa đề cập và tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản của thời đại là giải quyết mâu thuẫn cơ bản là mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược” thì hoàn toàn đúng, nhưng nói chưa đề cập “mâu thuẫn giữa nhân dân lao động với giai cấp phong kiến” thì e chưa thật thỏa đáng, vì như vậy làm sao lọt tai vua và các đại thần! Lại nữa, nói các điều trần “nghiêng về điều chỉnh, hòa giải nên chính nhân dân lao động sức sôi tinh thần yêu nước kháng chiến cũng tỏ ra lãnh đạm” (12) cũng chỉ là võ đoán, bởi vì nhân dân lao động bấy giờ làm gì có điều kiện tiếp xúc với nội dung các điều trần!

5. Người ta có thể chọn cho mình một chí hướng, một hoài bão để suốt đời theo đuổi, nhưng không ai có thể chọn cho mình thời điểm để sinh ra. Phải chăng Nguyễn Trường Tộ đã “đầu thai nhầm thế kỷ”?

Đúng là Nguyễn Trường Tộ còn không tưởng, nói như nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng trong lời Tựa cuốn Nguyễn Trường Tộ, con người và di thảo của Trương Bá Cần: “Ông nóng vội và nhất là không biết cơ chế của triều Tự Đức không bao giờ cho phép suy nghĩ của ông trở thành hiện thực bởi chúng đụng đến bức tường bạc hậu kinh khủng về học vấn, về khoa học, sự mù mẫm trong đầu các quan lại cao cấp, kể cả đáng chí tôn”

Gần đây, đọc cuốn sách của TS. Bùi Kha (Việt kiều ở Mỹ) Nguyễn Trường Tộ và vấn đề canh tân (Nxb. Văn học, 5-2011), chúng tôi không khỏi có một số băn khoăn trong những nhận định mới và khác về Nguyễn Trường Tộ. Có thể Bùi Kha còn chủ quan, định kiến nên nhiều nhận định của ông rất

khó chấp nhận, nhất là cho Nguyễn Trường Tộ là “một con người vì ngoại bang mà viết những bản gọi là điều trần gửi lên vua Tự Đức, nhưng lại được ngự trang sau bức màn canh tân để gạt triều đình...”. Tuy vậy, chúng tôi đồng tình với ý kiến của tác giả ở những lời cuối cùng trong phần kết cuốn sách: “Mong muốn cuối cùng của tôi là đề nghị các sử gia chuyên về lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc và Viện Sử học Việt Nam nên có một chương trình và kế hoạch sưu tầm các tài liệu mật tại các Thư khố Pháp và tại các Bộ Truyền giáo Hải ngoại Paris để có một sự đánh giá xác đáng về các nhân

vật lịch sử thời bấy giờ, trong đó có Nguyễn Trường Tộ”

Có thể Nguyễn Trường Tộ còn có một số ngộ nhận trong các điều trần và chúng ta còn có nhiều sai lầm khi đánh giá ông do chưa đọc kỹ các di thảo một cách hệ thống và liên hệ chúng với hành trạng Nguyễn Trường Tộ trong bối cảnh lịch văn hóa - xã hội bấy giờ. Tuy vậy, những gì mà ông đã để lại cho đời vẫn đủ chứng minh tài năng và tâm huyết của một giáo dân kính Chúa yêu Nước, ông mãi mãi vẫn là niềm kiêu hãnh của người dân xứ Nghệ nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung!

CHÚ THÍCH

(1). Theo Đinh Văn Niêm: *Những người thầy nho học và dư luận về cái chết của Nguyễn Trường Tộ* trong sách: *Nguyễn Trường Tộ với khát vọng canh tân đất nước*, (Kỷ yếu Hội thảo khoa học tại Thành phố Vinh, ngày 10-11-2008), Nghệ An, 2009, tr. 48-56.

(2), (4). Võ Thanh Tâm: *Nguyễn Trường Tộ học và hành* trong sách: *Nguyễn Trường Tộ với khát vọng canh tân đất nước*, sdd, tr. 70.

(3). Lê Trí Viễn: *Một trí tuệ lớn, một nhiệt tình lớn không có tiếng vang* trong sách *Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước*, Nxb. Đà Nẵng, 2000, tr.136.

(5). Xin xem: Hồ Sĩ Hù, Trần Văn Thúc: *Nho sĩ Nghệ An trong nền văn hóa Thăng Long - Đại Việt từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII*, trong *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Thanh Nghệ Tĩnh với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010, tr. 108-115.

(6). Theo Hồ Bá Quỳnh: *Nguyễn Trường Tộ người bất hạnh hay hạnh phúc* trong sách: *Nguyễn Trường Tộ với khát vọng canh tân đất nước*, (Kỷ

yếu Hội thảo khoa học tại Thành phố Vinh, ngày 10-11-2008), sdd, tr. 321.

(7). Xem thêm: Hồ Sĩ Hù, Trần Văn Thúc: *Tư do tín ngưỡng, tôn giáo trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Bối cảnh lịch sử Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước”, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2011, tr. 331-337.

(8), (12). Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Hồng: *Xu hướng đổi mới trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1998, tr. 32-33.

(9). Chương Thâu: *Phan Bội Châu trong dòng thời đại (Bình luận và hồi ức)*, Nxb. Nghệ An và Trung tâm Văn hóa và Ngôn ngữ Đông Tây, 2007, tr. 578 - 580.

(10). Thanh Đạm: *Khám phá một nhân cách lớn trong lịch sử* trong sách: *Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước*, sdd, tr. 266.

(11). Cao Tự Thanh: *Nguyễn Trường Tộ trong giới hạn và thất bại của trào lưu canh tân đất nước nửa sau thế kỷ XIX* trong sách: *Nguyễn Trường Tộ với vấn đề canh tân đất nước*, sdd, tr. 317.